

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Nhữ Văn Vinh và ông Lương Đình Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1994.

Nơi Đăng ký HKTT: Thôn B, xã NQ, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn ĐL, xã NQ, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Vũ Quang Đ - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã NQ, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

Người làm chứng:

Người làm chứng: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã NQ, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Vũ Thị C và anh Vũ Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại thôn Thôn B, xã NQ, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ và chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ thường uống rượu chè, tụ tập bàn bè sinh hoạt thái quá, không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Chị góp ý nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Do chán nản, cảm thấy cuộc sống vợ chồng bế tắc, nên chị đã sống ly thân anh Đ từ thời điểm cuối năm 2019 đến nay, mà không có giải pháp nào khắc phục. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung là Vũ Quang K, sinh ngày 10/3/2016, hiện đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị hiện tại đang sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn ĐL, xã NQ, huyện Bình Giang; có công việc làm ổn định là công nhân, mức thu nhập bình quân 7.800.000 đồng/tháng và xuất trình cho Tòa án chứng cứ là bảng lương hàng tháng của 3 tháng gần thời điểm xét xử vụ án.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Quang Đ vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, chị C yêu cầu anh đi làm công nhân công ty, anh không đi làm vì lý do sức khỏe, nhưng chị C không thông cảm. Chị C xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có con chung là Vũ Quang K. Trong trường hợp Tòa án vẫn giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh có nhà ở, có đủ khả năng kinh tế để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng là bà Bà Phạm Thị L là mẹ đẻ của chị C trình bày:

Trong quá trình chung sống, anh Đ và chị C phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường rượu chè, không chịu làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân nhau và không có biện gì để hàn gắn. Chị C và con chung của anh chị đã về sống cùng với bà ở thôn ĐL, xã NQ. Trong thời gian ly thân, vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi nhau, thậm chí xô xát khi anh Đ gặp chị C. Bà có quan điểm, nếu chị C cần sự giúp đỡ của gia đình bà trong nhu cầu chỗ ở và chăm sóc con sau khi ly hôn thì bà sẵn sàng tạo điều kiện, giúp đỡ chị.

Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Đ, được địa phương cung cấp: Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh Đ, chị C không có đơn yêu cầu đến thôn xóm hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên việc

chị C không chung sống cùng anh Đ mà cùng con về nhà bố mẹ để sống được một thời gian là có thật, còn nguyên nhân tại sao thì chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Anh Đ sống ở địa phương là công dân chấp hành tốt pháp luật, quy chế sinh hoạt của khu dân cư.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị C và anh Vũ Quang Đ ly hôn.
- Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết vì đương sự không yêu cầu.
- Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Vũ Quang Đ là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị C:

Chị Vũ Thị C và anh Vũ Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã NQ, nên quan hệ hôn nhân của anh chị hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ kinh tế gia đình, xuất phát từ sự khác biệt trong quan điểm đôi bên về công ăn, việc làm của anh Đ. Ngoài ra chị C còn không hài lòng việc anh Đ thường uống rượu, tụ tập bạn bè sinh hoạt thái quá. Từ cuối năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau về tình cảm. Mặc dù đã được địa phương, gia đình hai bên hòa giải và động viên, nhưng anh chị vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị C ly hôn anh Đ.

[3] **Về nuôi con:** Vợ chồng chị C có 01 con chung Vũ Quang K, sinh ngày 10/3/2016. Xét cháu K tuổi còn nhỏ, mặt khác đang sống ổn định cùng chị C, chị C cũng đủ điều kiện về chỗ ở, công ăn việc làm để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử thấy giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm cho cháu K có điều kiện phát triển tốt nhất.

Do chị C tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị C.

[4] **Về tài sản chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết .

[5]. **Về án phí:** Chị C là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị C ly hôn anh Vũ Quang Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị C trực tiếp nuôi con Vũ Quang K, sinh ngày 10/3/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung của anh Đ.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại C cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005874 ngày 17/5/2021. Chị C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- C cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã NQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Văn Cường